

# CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI (FDI) VÀO LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP Ở HÀ NỘI

## FACTORS AFFECTING FOREIGN DIRECT INVESTMENT CAPITAL ATTRACTION IN THE AGRICULTURAL SECTOR IN HA NOI

Nguyễn Thị Mai Hương\*, Kiều Thị Mai

*Trường Đại học Lâm nghiệp Việt Nam<sup>1</sup>*

\*Tác giả liên hệ: huongntm@vnuf.edu.vn

(Nhận bài: 28/12/2020; Chấp nhận đăng: 20/8/2021)

**Tóm tắt** - Vốn FDI vào lĩnh vực nông nghiệp (LVNN) có vai trò bổ sung nguồn vốn cho tăng trưởng kinh tế, chuyển giao công nghệ, tăng cường khả năng xuất khẩu các sản phẩm nông sản cũng như tạo thêm việc làm, nâng cao mức sống cho người dân. Tuy nhiên, dòng vốn FDI vào LVNN của Hà Nội lại quá nhỏ, chỉ chiếm khoảng 1% tổng vốn FDI vào Hà Nội. Vì vậy, bài viết tập trung nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến thu hút vốn FDI vào LVNN ở Hà Nội nhằm xác định cụ thể mức độ tác động của từng yếu tố. Dữ liệu sơ cấp được thu thập thông qua khảo sát 93 cán bộ quản lý thuộc 22 doanh nghiệp FDI nông nghiệp đang hoạt động ở Hà Nội để kiểm định mô hình và các giả thuyết nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu cho thấy 5 yếu tố: Cơ sở hạ tầng, dịch vụ; Điều kiện tự nhiên; Môi trường kinh tế; Môi trường xã hội; Thể chế, chính sách đều có ảnh hưởng đến thu hút vốn FDI vào LVNN ở Hà Nội.

**Từ khóa** - Đầu tư trực tiếp nước ngoài; lĩnh vực nông nghiệp; các yếu tố ảnh hưởng; doanh nghiệp nước ngoài

**Abstract** - Foreign direct investment (FDI) in the agricultural sector has the role of supplementing capital for growth, technology transfer, increasing exports of agricultural products, creating more jobs, and improving living standards for people. However, FDI inflows into the agricultural sector of Hanoi are still too small, accounting for only about 1% of total FDI in Hanoi. Therefore, the article mainly researches factors affecting the attraction of FDI in the agricultural sector in Hanoi to determine specifically the impact level of each factor. The primary data was assembled by investigating 93 managers of 22 FDI enterprises operating in the agricultural sector in Hanoi to verify the model and research hypotheses. The resulting research shows five elements: Infrastructure and Services; Natural conditions; Economic environment; Social environment; Institution, Policies all influence the results of obtaining FDI in the agricultural sector in Hanoi.

**Key words** - Foreign direct investment; Agricultural sector; factors affecting; Foreign enterprises

### 1. Đặt vấn đề

Việt Nam là quốc gia có nền sản xuất nông nghiệp lâu đời, có ưu thế đảm bảo an ninh lương thực hơn phần lớn các nước đang phát triển ở châu Á và có vai trò trong hỗ trợ an ninh lương thực cho các quốc gia khác. Thông qua nông nghiệp để ổn định sinh kế, ổn định việc làm cho khoảng 9 triệu hộ trong tổng số 27 triệu hộ gia đình trong cả nước; Thông qua nông nghiệp để bình ổn, tăng tính tự chủ tự cường khi đất nước gặp khó khăn,... Việc phát triển sản xuất nông nghiệp có tính đột phá hay không phụ thuộc nhiều vào số vốn đầu tư, tiến bộ khoa học kỹ thuật, vào trình độ quản lý... thông qua dòng chảy FDI vào Nông nghiệp. Vì vậy, việc nhận dạng và xác định các yếu tố ảnh hưởng tới thu hút vốn FDI vào lĩnh vực nông nghiệp rất có ý nghĩa và có tính thời sự để góp phần nâng cao hiệu quả thu hút nguồn vốn này.

Một số nghiên cứu đã chỉ ra các yếu tố ảnh hưởng đến việc thu hút FDI vào lĩnh vực nông nghiệp. Các yếu tố *tăng trưởng kinh tế, lạm phát, chi tiêu chính phủ, độ mở của nền kinh tế* là những yếu tố có ảnh hưởng tích cực đến thu hút vốn FDI vào nông nghiệp và tăng trưởng nông nghiệp của Zimbabwe [1]. Khác với nghiên cứu [1], Deepak Kumar Adhana lại chỉ ra rằng, một trong những yếu tố quyết định đến việc đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp của các nhà đầu tư nước ngoài (ĐTNN) vào Ấn Độ là *kích thước thị trường, cơ sở hạ tầng và chất lượng lao động* [2].

Theo kết quả phân tích của Santangelo Grazia D, *quy mô thị trường, tính sẵn có của lực lượng lao động, chi phí lao động, cơ sở hạ tầng, công nghệ có tác động quy mô vốn FDI vào lĩnh vực nông nghiệp ở các nước đang phát triển* là những yếu tố có ảnh hưởng đến thu hút FDI vào nông nghiệp ở các nước đang phát triển [3].

Ở Việt Nam cũng đã có một số công trình nghiên cứu đến vấn đề này như [4], [5], [6], tuy nhiên kết quả nghiên cứu mới chỉ dừng lại ở thống kê mô tả hoặc hồi quy theo phương pháp ước lượng bình phương nhỏ nhất (OLS), chưa có công trình nào vận dụng các mô hình lý thuyết hiện đại xác định mức độ ảnh hưởng của các yếu tố tới thu hút vốn FDI vào lĩnh vực nông nghiệp

Hà Nội là thủ đô, đồng thời cũng là thành phố lớn thứ hai của Việt Nam về dân số với 6,87 triệu người. Cùng với Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội là một trong hai trung tâm kinh tế của cả quốc gia. Nhận thức được vai trò của vốn FDI, Hà Nội đã và đang từng bước cải thiện môi trường đầu tư để hấp dẫn các nhà ĐTNN, đẩy mạnh xúc tiến kêu gọi đầu tư các dự án mới, đơn đốc sát sao các cơ quan chuyên môn hỗ trợ nhà đầu tư tháo gỡ khó khăn trong quá trình thực hiện dự án; tạo môi trường đầu tư thuận lợi, bình đẳng trong tiếp cận đất đai và triển khai dự án. Kết quả FDI đầu tư vào Hà Nội tăng lên, nhưng FDI vào lĩnh vực nông nghiệp lại có tỷ trọng rất nhỏ và ngược lại với xu hướng chung của FDI. Tính đến hết năm 2019

<sup>1</sup> Vietnam National University of Forestry (Huong Nguyen Thi Mai, Kieu Thi Mai)

số dự án FDI vào lĩnh vực nông nghiệp chỉ chiếm 22/5960, số vốn 82 triệu USD so với tổng số vốn FDI của Hà Nội là 34.700 triệu USD (chiếm 0,23%).

Vậy nguyên nhân nào khiến lĩnh vực nông nghiệp Hà Nội kém hấp dẫn các nhà ĐTNN? Các yếu tố nào ảnh hưởng thu hút vốn FDI vào lĩnh vực nông nghiệp ở Hà Nội? Để trả lời các câu hỏi này đòi hỏi phải xác định các yếu tố và mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đến dòng vốn FDI nông nghiệp vào Hà Nội nhằm đưa ra giải pháp phù hợp, từ đó tăng cường thu hút hơn nữa vào Hà Nội nói chung và tại các địa phương nói riêng trong thời gian tới.

## 2. Kết quả nghiên cứu

### 2.1. Tổng quan nghiên cứu

Chen Fei Fei đã phân tích dựa trên dữ liệu sơ cấp thu được từ các công ty FDI trong nông nghiệp hoạt động tại tỉnh Quảng Đông - địa phương có số vốn FDI vào lĩnh vực nông nghiệp lớn nhất Trung Quốc [7]. Theo tác giả, *quy mô thị trường lớn* là yếu tố quan trọng nhất ảnh hưởng đến thu hút FDI trong nông nghiệp ở Quảng Đông. Các yếu tố tiếp theo là *cơ sở hạ tầng*, *chi phí lao động*, *chất lượng lao động*. Chính sách ưu đãi ĐTNN cũng là một lý do quan trọng khác thu hút các nhà ĐTNN bên cạnh chi phí lao động và lợi nhuận đầu tư cao. Một trong những phát hiện mới từ nghiên cứu này là *mức độ mở cửa với thế giới bên ngoài* cũng là yếu tố ảnh hưởng đối với quyết định của một số công ty nước ngoài đầu tư vào Quảng Đông, Trung Quốc.

Licai Lv, Simei Wen và cộng sự đã phân tích thực nghiệm về các yếu tố ảnh hưởng đến dòng vốn FDI vào nông nghiệp của Trung Quốc bằng cách sử dụng mô hình hồi quy đa biến thu thập tại 5 tỉnh của Trung Quốc là: Sơn Đông, Phúc Kiến, Quảng Đông, Giang Tô và Chiết Giang trong giai đoạn 1985-2006 [8]. Các tác giả đã xác định Trung Quốc với một thị trường lớn nhất thế giới, *cơ sở hạ tầng tốt*, và *chính sách ưu đãi* đã có tác động tích cực trong thu hút vốn FDI vào nông nghiệp, còn *nhập khẩu các sản phẩm nông nghiệp* có tác động tiêu cực đến FDI vào nông nghiệp của Trung Quốc, *xuất khẩu nông nghiệp* là yếu tố tích cực nhưng không có ý nghĩa về mặt thống kê đối với quyết định của các nhà ĐTNN.

Addo Addo Missama đã sử dụng phương pháp bình phương nhỏ nhất (OLS) để phân tích các yếu tố ảnh hưởng tới thu hút vốn FDI vào nông nghiệp Tanzania trong thời gian 13 năm từ 1996 – 2008. Kết quả nghiên cứu cho thấy, các yếu tố *GDP bình quân đầu người*, *lạm phát*, *lãi suất ngân hàng* có ảnh hưởng thuận chiều với số vốn FDI nông nghiệp, các yếu tố *tỷ giá* và *quy mô thị trường* có ảnh hưởng ngược lại [9].

Nghiên cứu của Zingwena Taurai đã sử dụng dữ liệu chuỗi thời gian thu thập trong giai đoạn 1980 - 2012 và dữ liệu khảo sát từ 33 doanh nghiệp FDI hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp tại Zimbabwe. Bằng việc sử dụng phương pháp bình phương tối thiểu thông thường (DOLS) Stock-Watson để phân tích độ co giãn dài hạn. Kết quả nghiên cứu cho thấy, các yếu tố *tăng trưởng kinh tế*, *lạm phát*, *chi tiêu chính phủ*, *độ mở cửa của nền kinh tế* là những yếu tố có ảnh hưởng tích cực đến thu hút vốn FDI vào nông nghiệp của Zimbabwe [1].

Deepak Kumar Adhana nhận định: Nông nghiệp của Ấn Độ đóng vai trò quan trọng đối với phát triển kinh tế của Ấn Độ, GDP nông nghiệp đóng góp 14% trong tổng GDP của Ấn Độ. Các bằng chứng đều cho rằng, việc đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp của Ấn Độ là một trong những cách hiệu quả nhất để xóa đói giảm nghèo. Chính vì muốn khuyến khích phát triển ngành nông nghiệp nên Ấn Độ đã đưa ra các chính sách phát triển nông nghiệp, đầu tư cơ sở hạ tầng nông thôn. Nghiên cứu cũng chỉ ra rằng, một trong những yếu tố quyết định đến việc đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp của các nhà ĐTNN vào Ấn Độ là *kích thước thị trường*, *cơ sở hạ tầng* và *chất lượng lao động* [2].

Trong nghiên cứu của Santangelo Grazia D sử dụng dữ liệu từ các cuộc điều tra ở 67 nước đang phát triển được thực hiện bởi Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF) trong thời gian 2000 - 2011 để điều tra ảnh hưởng của FDI trong nông nghiệp ở các nước đang phát triển. Theo kết quả phân tích, *quy mô thị trường*, *tính sẵn có của lực lượng lao động*, *chi phí lao động*, *cơ sở hạ tầng*, *công nghệ có tác động quy mô vốn FDI vào lĩnh vực nông nghiệp ở các nước đang phát triển*. Kết quả cũng chỉ ra rằng, FDI trong lĩnh vực nông nghiệp có tác động tích cực ảnh hưởng đến an ninh lương thực, tuy nhiên đất trong nông nghiệp ở các nước đang phát triển đang bị thu hẹp lại do áp lực của lợi ích quốc gia và mục tiêu chính sách của chính phủ [3].

Dadson Awunyo Vitor và Ruby Adjoa Sackey nghiên cứu mối quan hệ giữa đầu tư FDI của ngành nông nghiệp và tăng trưởng kinh tế ở Ghana bằng cách phân tích vai trò của dòng vốn FDI đối với ngành nông nghiệp của Ghana từ năm 1975 - 2017 thông qua việc sử dụng các phương pháp thống kê mô tả, kiểm tra nguyên nhân Granger, mô hình sửa lỗi vector (ECM). Kết quả của nghiên cứu cho thấy dòng vốn FDI vào lĩnh vực nông nghiệp có tác động tích cực đến nền kinh tế Ghana. Nói cách khác, dòng vốn FDI tích cực vào lĩnh vực nông nghiệp dẫn đến một sự thay đổi tích cực trong tăng trưởng kinh tế. Dựa trên kết quả của thử nghiệm quan hệ nhân quả, nhóm tác giả đưa ra kết luận: (1) *Chính sách* ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế sẽ gián tiếp ảnh hưởng đến dòng vốn FDI vào ngành nông nghiệp; (2) *Mở cửa thương mại* có tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế và có ảnh hưởng đến thu hút của dòng vốn FDI vào ngành nông nghiệp; (3) Thu hút vốn FDI cho ngành nông nghiệp có tác động đáng kể đến tăng trưởng kinh tế [10].

Nghiên cứu của Christine Husmann và Zaneta Kubik cho thấy, có 48.737 tỷ USD vốn FDI đã được đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp Châu Phi trong giai đoạn 2003 – 2017. Kết quả phân tích cho thấy, tiềm năng thị trường thể hiện bằng chỉ tiêu *GDP bình quân đầu người*, *quy mô dân số* là một trong những động lực chính của FDI vào lĩnh vực nông nghiệp ở Châu Phi. Cụ thể hơn, quy mô dân số luôn có tác động đáng kể đến dòng vốn FDI nông nghiệp ở Châu Phi, bất kể đặc điểm kỹ thuật của mô hình. Trong số các yếu tố về phía cung, *tài nguyên thiên nhiên* thể hiện ở chỉ tiêu quy mô đất nông nghiệp cũng là một yếu tố dự báo quan trọng của dòng vốn FDI. Cuối cùng, *cơ sở hạ tầng* hoặc *chất lượng thể chế* đóng một vai trò thiết yếu trong việc tăng cường thu hút vốn FDI [11].

Nghiên cứu của Nguyễn Đức Thành đã khảo sát, tóm tắt tổng quan các lý thuyết về đầu tư trong lĩnh vực nông

ngành nhằm xác định các yếu tố thúc đẩy/ kìm hãm động lực đầu tư trong nông nghiệp và kinh tế nông thôn. Dựa trên cơ sở lý thuyết và các mô hình đầu tư trong nông nghiệp, nông thôn, tác giả chỉ ra rằng các yếu tố *khả năng tiếp cận thị trường, mức độ ổn định và rõ ràng của quyền tài sản, khả năng tiếp cận nguồn tín dụng và công cụ tài chính, cơ sở hạ tầng, khả năng tiếp cận thông tin, công nghệ, truyền thống cộng đồng* là động lực thúc đẩy đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp [6].

Trần Đình Thao đã phân tích cơ sở khoa học của chính sách, giải pháp thu hút FDI vào sản xuất, kinh doanh nông nghiệp, đồng thời đánh giá thực trạng FDI, chính sách và giải pháp thu hút FDI vào sản xuất, kinh doanh nông nghiệp ở Việt Nam những năm đầu thế kỷ XXI. Tác giả đã điều tra bằng bảng hỏi định lượng với 120 doanh nghiệp có vốn FDI hoạt động trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh nông nghiệp và sử dụng mô hình hồi quy với biến phụ thuộc là lượng vốn FDI đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp qua các năm, các biến độc lập đại diện cho các nhóm yếu tố *tự nhiên, điều kiện kinh tế xã hội, môi trường chính sách, thị trường*. Kết quả cho thấy, các biến độc lập đều có tác động thuận chiều với biến phụ thuộc [5].

Vũ Việt Ninh đã thực hiện cuộc khảo sát và thu thập số liệu của 04 tỉnh: Hà Nội, Vĩnh Phúc, Quảng Ninh, Bắc Ninh với số phiếu khảo sát là 356 phiếu và sử dụng mô hình EFA để phân tích các yếu tố ảnh hưởng tới FDI trong lĩnh vực nông nghiệp Việt Nam thông qua mô hình hồi quy với *Ý định đầu tư* là biến phụ thuộc và 6 biến độc lập là 6 nhóm nhân tố hội tụ từ rất nhiều quan sát gồm: *Chính sách hỗ trợ, lợi thế đầu tư, chi phí đầu vào, chính sách đầu tư, chất lượng cơ sở hạ tầng xã hội và nguồn nhân lực*. Kết quả cho thấy 6 nhân tố nêu trên đều có tác động thuận chiều với *Ý định đầu tư* của nhà ĐTNN [4].

Trong lĩnh vực nông nghiệp, các yếu tố ảnh hưởng đến thu hút vốn FDI vào nông nghiệp khá khác nhau giữa các tỉnh thành và các quốc gia. Các nghiên cứu trước đây cũng đã sử dụng đến số liệu điều tra từ các DN, phân tích EFA, hồi quy để phân tích các nhân tố chủ yếu ảnh hưởng đến thu hút vốn FDI nông nghiệp, điều này đã tạo ra một kênh thông tin giúp các nhà quản lý có thể tập trung vào những yếu tố nhằm tìm những giải pháp phát triển DN FDI Nông nghiệp. Tuy nhiên, các yếu tố đưa vào nghiên cứu chưa đầy đủ và dừng lại ở phân tích hồi quy, chưa có sự kiểm định mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đến thu hút vốn FDI vào lĩnh vực nông nghiệp. Trên cơ sở tiếp thu thành quả của những nghiên cứu trước, nghiên cứu này sẽ tập trung giải quyết các vấn đề chưa được làm rõ để có một cái nhìn tổng quát, toàn diện nhất về các yếu tố ảnh hưởng đến thu hút vốn FDI vào lĩnh vực nông nghiệp ở Hà Nội.

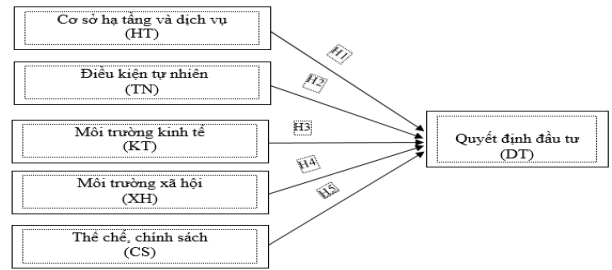
## 2.2. Phương pháp nghiên cứu và giả thuyết nghiên cứu

### 2.2.1. Phương pháp thu thập số liệu

Thu thập thông tin thứ cấp: Số lượng dự án, số vốn FDI đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp Hà Nội trong giai đoạn 2015 – 2019. Thu thập thông tin sơ cấp thông qua phương pháp điều tra bằng bảng hỏi.

Phương pháp xử lý, phân tích số liệu: Nghiên cứu sử dụng mô hình tương quan hồi quy dựa trên phần mềm SPSS 23.0.

### 2.2.2. Giả thuyết nghiên cứu



Hình 1. Giả thuyết của mô hình nghiên cứu

Nguồn: Tác giả mô phỏng

Các biến được lựa chọn đưa vào mô hình bao gồm:

(1) *Quyết định đầu tư*: Sự hấp dẫn của môi trường đầu tư thể hiện thông qua sự hấp dẫn của các yếu tố: điều kiện tự nhiên, cơ sở hạ tầng, dịch vụ, môi trường kinh tế vĩ mô, môi trường xã hội, thể chế chính sách sẽ thúc đẩy nhà đầu tư đưa ra hành động quyết định đầu tư. Do đó, nghiên cứu mối quan hệ giữa FDI vào lĩnh vực nông nghiệp với các yếu tố ảnh hưởng cần lựa chọn biến phụ thuộc là quyết định đầu tư. Một số nghiên cứu khi tiến hành điều tra trực tiếp xem xét quyết định đầu tư như một biến nhị phân với các giá trị “1: Quyết định đầu tư”; “0: Quyết định không đầu tư” [12]. Nhiều nghiên cứu sử dụng thang đo likert 5 cấp độ như nghiên cứu [13]; [14]. Dựa trên các nghiên cứu trước đây, để đo lường quyết định đầu tư của nhà ĐTNN nghiên cứu sử dụng thang đo likert bao gồm 5 cấp độ.

(2) *Cơ sở hạ tầng và dịch vụ*: Sự thuận lợi của yếu tố cơ sở hạ tầng và dịch vụ ảnh hưởng đến thu hút FDI chủ yếu là ở mức độ phát triển của hạ tầng kỹ thuật và kinh tế [15] bao gồm: thông tin, truyền thông, hạ tầng giao thông, hạ tầng khu công nghiệp, khu kinh tế, hệ thống cung cấp dịch vụ điện, nước, hệ thống ngân hàng, kiểm toán. Nhà ĐTNN nhận thức được sự thuận lợi của yếu tố cơ sở hạ tầng và dịch vụ sẽ quyết định đầu tư. Các quan sát được sử dụng để đo lường sự thuận lợi của yếu tố này là: Hạ tầng thông tin, truyền thông phát triển [16]; Hạ tầng giao thông phát triển [17], [18], [3]; Hệ thống cung cấp điện, nước tốt [7], [8]; Hệ thống ngân hàng, kiểm toán phát triển [15].

(3) *Điều kiện tự nhiên*: Điều kiện tự nhiên là một trong những yếu tố chính trong sản xuất nông nghiệp gồm vị trí địa lý, đất đai, tài nguyên thiên nhiên, khí hậu. Tài nguyên thiên nhiên, đất đai là yếu tố chính cấu thành nguồn nguyên vật liệu phục vụ hoạt động sản xuất của các DN. Nếu một quốc gia với nguồn tài nguyên phong phú sẽ giúp ích cho các DN cắt giảm chi phí nguyên vật liệu và nâng cao hiệu quả kinh doanh, sẽ tác động tốt trong thu hút dòng vốn FDI [19]. Nghiên cứu của Sarbajit Chaudhuri, Dibyendu Banerjee chỉ ra rằng: Các nước ở vùng Sahara và Nam Mỹ được hưởng ưu đãi về nguồn tài nguyên thiên nhiên sẽ thu hút được nhiều vốn FDI [20]. Vị trí địa lý, khí hậu thuận lợi, yếu tố này sẽ ảnh hưởng đến hành vi, quyết định của nhà ĐTNN, giúp nhà đầu tư tiết kiệm chi phí vận chuyển nguyên liệu, hàng hóa, thuận lợi trong việc tiếp cận và mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm đến khu vực khác và toàn cầu [21]. Ngoài ra, vị trí địa lý thuận lợi sẽ kích thích công ty tích tụ, giúp họ khai thác hiệu quả đầu vào trung gian chung của ngành [22].

Do vậy, các quan sát sử dụng đo lường sự thuận lợi của yếu tố này gồm: tài nguyên, nguyên liệu dễ dàng tiếp cận, giá rẻ [11], [23], Đất đai, vị trí địa lý thuận lợi [24], quy mô, mặt bằng đất nông nghiệp [11].

(4) *Môi trường kinh tế vĩ mô*: Môi trường kinh tế vĩ mô thể hiện ở sự ổn định kinh tế vĩ mô, khả năng tăng trưởng, khả năng sinh lợi của nền kinh tế. Đây là yếu tố đặc trưng chuyên biệt của quốc gia. Sarbajit Chaudhuri and Dibyendu Banerjee cho rằng một trong những yếu tố thúc đẩy FDI vào nông nghiệp là sự ổn định kinh tế vĩ mô, mở cửa với FDI nông nghiệp [20]. Kết quả phân tích cũng cho thấy FDI trong nông nghiệp cải thiện phúc lợi xã hội một cách rõ ràng. Một vấn đề đặc biệt quan trọng là FDI trong nông nghiệp cũng làm giảm thất nghiệp, đảm bảo an ninh lương thực, xóa đói giảm nghèo ở các quốc gia đang phát triển. Nhiều nghiên cứu khác cũng cho thấy ảnh hưởng quan trọng của môi trường kinh tế vĩ mô đến thu hút FDI, trong đó, tăng trưởng kinh tế, khả năng cạnh tranh kinh tế, môi trường kinh tế ổn định được cho là những yếu tố ảnh hưởng quyết định. Các quan sát được sử dụng để đo lường sự thuận lợi của các yếu tố này là: quy mô thị trường [3], [8], [7], [9], [20], [2], [11]; tăng trưởng kinh tế quốc gia cao [24], [25], [1], lạm phát ổn định [24], [25], [9], tỷ giá hối đoái ổn định [24], [25], [9], tỷ suất sinh lời trên vốn đầu tư cao [26], [27], [24].

(5) *Môi trường xã hội*: Sự thuận lợi của yếu tố môi trường xã hội thể hiện ở trình độ giáo dục, thái độ và niềm tin và các giá trị đạo đức xã hội, tôn giáo, phong tục tập quán, ngôn ngữ và giao tiếp; số lượng lao động, trình độ tay nghề của người lao động; kỷ luật của người lao động. Nghiên cứu của UNDP cũng cho thấy, xu hướng đầu tư vào khu vực Đông Nam Á có chuyển biến tích cực nhờ vào tính kỷ luật của lực lượng lao động cùng với sự ổn định về chính trị và kinh tế tại nhiều quốc gia trong khu vực này. Các quan sát được sử dụng để đo lường sự thuận lợi của yếu tố này là: chi phí lao động rẻ [28], [29], [7], sự sẵn có lao động phổ thông [20], [30], trình độ giáo dục của người dân [23], [3], khả năng tiếp thu và vận dụng của người dân [7].

(6) *Thể chế, chính sách*: Yếu tố thể chế, chính sách được thể hiện ở quy định của chính quyền các cấp. Hầu hết chính phủ đều ban hành chính sách ưu đãi để thu hút nhiều hơn FDI đi đôi với điều chỉnh hệ thống khung khổ pháp lý, phòng chống tham nhũng, tạo môi trường đầu tư minh bạch.... Sự điều chỉnh những yếu tố này sẽ ảnh hưởng đến quyết định đầu tư của nhà ĐTNN, sự thuận lợi của chúng không chỉ giúp giảm chi phí giao dịch, cung cấp thông tin, tạo điều kiện thuận lợi cho giao dịch [31] mà còn cải tiến các yếu tố liên quan đến quá trình kinh doanh. Nhiều nghiên cứu chứng minh, thể chế, chính sách ảnh hưởng đến chiến lược kinh doanh của DN như: quyết định địa điểm, hình thức, quy mô đầu tư và khả năng thành công của quyết định đầu tư [32], [33]. Các quan sát sử dụng để đo lường sự thuận lợi của yếu tố này gồm: hệ thống pháp luật liên quan đến đầu tư FDI nông nghiệp, thủ tục hành chính [32], [34], [35], [10], chính sách ưu đãi về thuê đất, giải phóng mặt bằng [30], [36], [11], chính sách xuất khẩu [37], [8], chính sách ưu đãi đầu tư thuế, thuê đất [23], [33], [38], hợp đồng nông nghiệp [38], [35].

**Bảng 1.** Các biến quan sát trong mô hình nghiên cứu đề xuất

Các yếu tố ảnh hưởng	Các biến quan sát	Các nghiên cứu	Dự báo tác động
1. Cơ sở hạ tầng và dịch vụ	- Hạ tầng thông tin, truyền thông. - Hạ tầng giao thông - Hạ tầng KCN, KKT - Hệ thống cung cấp điện, nước. - Hệ thống ngân hàng, kiểm toán	[16]; [17]; [18]; [3]; [7]; [8]; [15].	+
2. Điều kiện tự nhiên	- Tài nguyên, nguyên liệu - Đất đai, khí hậu - Vị trí địa lý	[20]; [21]; [22], [11], [23], [24]	+
3. Môi trường kinh tế vĩ mô	- Quy mô thị trường - Tăng trưởng kinh tế - Lạm phát - Tỷ giá - Tỷ suất sinh lời trên vốn đầu tư	[3]; [8]; [7]; [9]; [20], [2]; [11]; [24]; [25]; [1]; [26]; [27]	+
4. Môi trường xã hội	- Chi phí lao động - Trình độ giáo dục - Lao động sẵn có - Khả năng tiếp thu, vận dụng - Phong tục, tập quán	[17]; [29]; [7]; [20]; [30]; [23]; [3]; [2]	+
5. Thể chế, chính sách	- Thủ tục hành chính - Chính sách ưu đãi - Chính sách xuất khẩu - Hợp đồng lao động	[32]; [34]; [35]; [10]; [30]; [36]; [11]; [37]; [8]; [23]; [33]; [38]; [35]	+

Nguồn: Tổng hợp từ các nghiên cứu lý thuyết và thực nghiệm

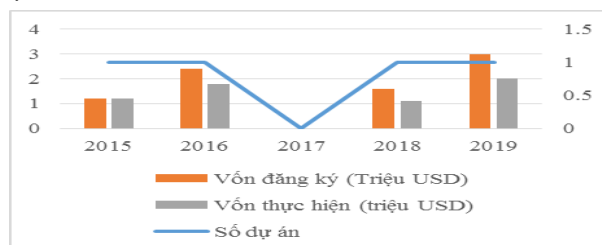
Mẫu khảo sát: Sử dụng công thức tính mẫu [39]:  $N = 50 + 8 * m$ ; Trong đó: N: số mẫu được chọn; m: số lượng nhân tố độc lập. Vận dụng nghiên cứu này, số mẫu là  $N = 50 + 8 * 5 = 90$  mẫu. Nghiên cứu tiến hành khảo sát 100 phiếu; thu về 93 phiếu hợp lệ sử dụng phân tích.

Đối tượng khảo sát: Thành viên BGĐ, HĐQT, CEO của 22 DN FDI Nông nghiệp ở Hà Nội.

### 2.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào lĩnh vực nông nghiệp ở Hà Nội

#### 2.3.1. Khái quát thực trạng thu hút FDI ở Hà Nội

Ở Hà Nội dòng vốn FDI đã tạo được những chuyển biến mạnh mẽ trong nền kinh tế. Hà Nội là 1 trong 3 địa phương thu hút nhiều vốn ĐTNN nhất với tổng số vốn đăng ký 8,45 tỷ USD, chiếm 22,2% tổng vốn đầu tư. Tuy nhiên, thực tế cho thấy, dòng vốn FDI vào khu vực nông nghiệp của cả nước nói chung và Hà Nội nói riêng còn rất hạn chế.



**Hình 2.** Thực trạng vốn FDI vào lĩnh vực nông nghiệp Hà Nội

Nguồn: Niên giám thống kê Hà Nội, 2019

Tổng số dự án và số vốn FDI đầu tư vào nông nghiệp Hà Nội trong 5 năm (2015 – 2019) là con số khá nhỏ bé, số vốn FDI vào lĩnh vực nông nghiệp (LVNN) của Hà Nội chỉ chiếm khoảng 0,2% số vốn FDI của Hà Nội. Tính đến ngày 31/12/2019, tổng số dự án FDI vào thành phố Hà Nội là 5.960 dự án với số vốn đăng ký đạt 34,7 tỷ USD; vốn đã thực hiện đạt 21,9 tỷ USD thì số dự án đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp mới chỉ có 22 dự án với tổng vốn đăng ký là 82 triệu USD; vốn đã thực hiện là 75 triệu USD. Không những thế, quy mô dự án FDI vào lĩnh vực nông nghiệp rất nhỏ, trung bình khoảng 3 triệu USD/dự án. Tiềm năng nông nghiệp của địa phương lớn nhưng mới dừng lại ở các chủ trương, đường lối kêu gọi doanh nghiệp đầu tư vào nông thôn. Thêm nữa, tỷ suất lợi nhuận trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn rất thấp. Đồng thời, kinh doanh trong lĩnh vực này lại gặp nhiều rủi ro do phụ thuộc quá nhiều vào thời tiết. Đây là nguyên nhân khiến các nhà ĐTNN còn e dè đầu tư vào lĩnh vực này.

**Bảng 2.** Cơ cấu FDI vào LVNN theo hình thức đầu tư (Lũy kế đến tháng 12/2019)

Hình thức	Số dự án	Số vốn ĐK (Triệu USD)	Tỷ trọng vốn (%)
100% vốn NN	14	55,04	67,12
Liên doanh	8	26,96	32,88
HĐ KD	0	0	0
Tổng	22	82	100,00

Nguồn: Cục thống kê Hà Nội, 2019

Thu hút FDI vào lĩnh vực nông nghiệp tại Hà Nội theo hình thức đầu tư với có hai hình thức đầu tư chính là: 100% vốn nước ngoài và hình thức liên doanh, trong đó chủ yếu là hình thức 100% vốn nước ngoài. Tuy nhiên, một số quốc gia trên thế giới lại khuyến khích nhà ĐTNN lựa chọn hình thức liên doanh nhằm tăng cường sự chuyên gia công nghệ, khoa học, kinh nghiệm quản lý cho doanh nghiệp trong nước. Thậm chí Thái Lan chỉ cho phép đầu tư dưới hình thức này trong lĩnh vực nông nghiệp.

**Bảng 3.** Cơ cấu vốn FDI vào LVNN theo đối tác đầu tư

Đối tác	Số dự án	Số vốn ĐK (triệu USD)	Tỷ trọng vốn (%)
Nhật Bản	7	24,67	30,09
Ấn Độ	2	5,12	6,24
Bỉ	1	4,63	5,65
Hà Lan	1	3,92	4,78
Hoa Kỳ	3	1,05	13,48
Pháp	1	2,73	3,33
Singapor	1	3,88	4,73
Thái Lan	5	22,15	27,01
Mexico	1	3,85	4,70
Tổng	22	82	100

Nguồn: Cục thống kê Hà Nội, 2019

Tính đến 31/12/2019, Hà Nội đã thu hút được 24 quốc gia đầu tư FDI. Tuy nhiên, trong số đó chỉ có 9 quốc gia đầu tư vào nông nghiệp. Các đối tác chủ yếu đến từ các quốc gia Châu Á, các đối tác Châu Âu đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp ở Hà Nội rất ít về cả số vốn và số dự án. Cơ cấu trên cũng cho thấy, phần nào hạn chế của Hà Nội

trong vận động, kêu gọi xúc tiến đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp từ các nước có nền nông nghiệp tiên tiến. Nếu thu hút được sự đầu tư từ những nước có nền nông nghiệp phát triển thì nông nghiệp sẽ thu được rất nhiều lợi ích, không chỉ là số vốn FDI mà còn tận dụng, tiếp thu được công nghệ hiện đại, quy trình sản xuất tiên tiến, kinh nghiệm quản lý hiện đại,...

### 2.3.2. Đánh giá thang đo bằng hệ số tin cậy Cronbach Alpha

Với quy mô mẫu là 93 đơn vị, các thang đo hoàn chỉnh có hệ số Cronbach's Alpha  $\geq 0,6$  và hệ số tương quan tổng biến  $\geq 0,3$  sẽ được giữ lại cho bước tiếp theo.

Bảng kết quả kiểm định hệ số tin cậy Cronbach's Alpha được thể hiện ở Bảng 1. Sau khi phân tích hệ số tin cậy có 5 thang đo biến độc lập gồm 29 biến quan sát và 1 thang đo biến phụ thuộc gồm 4 biến quan sát trong mô hình thỏa mãn điều kiện để sử dụng trong phân tích EFA.

**Bảng 4.** Kết quả đánh giá thang đo bằng hệ số Cronbach Alpha

Biến quan sát	Tên biến	Trung bình thang đo nếu loại biến	Phương sai thang đo nếu loại biến	Tương quan biến tổng	CA nếu loại biến
<b>Cơ sở hạ tầng và dịch vụ: Cronbach's Alpha = 0,897</b>					
HT1	Hệ thống cấp điện	18,32	35,264	0,551	0,898
HT2	Hệ thống cấp nước, thủy lợi	18,77	32,720	0,752	0,875
HT3	Công nghệ thông tin và truyền thông	18,48	33,448	0,723	0,878
HT4	Giao thông, đường xá, cầu cảng, ...	18,80	33,447	0,688	0,883
HT5	Hệ thống ngân hàng, kiểm toán	18,60	33,220	0,770	0,873
HT6	Chi phí điện, nước, cước vận tải	18,69	34,239	0,672	0,884
HT7	Chi phí thông tin liên lạc	18,33	33,551	0,741	0,877
<b>Điều kiện tự nhiên: Cronbach's Alpha = 0,870</b>					
TN2	Tài nguyên, nguyên liệu	9,31	10,673	0,718	0,835
TN3	Khí hậu, môi trường	9,58	9,637	0,798	0,801
TN4	Đất đai, mặt bằng	9,40	10,981	0,692	0,845
TN5	Giá thuê đất	9,61	10,957	0,683	0,848
<b>Môi trường kinh tế: Cronbach's Alpha = 0,731</b>					
KT1	Quy mô thị trường (dân số)	14,15	7,521	0,445	0,702
KT2	Tăng trưởng kinh tế (GDP)	14,04	7,385	0,326	0,761
KT3	Lạm phát ổn định	13,73	6,699	0,625	0,632
KT4	Tỷ lệ sinh lợi trên vốn đầu tư	13,85	7,412	0,530	0,673
KT5	Tỷ giá hối đoái	13,82	6,999	0,587	0,649
<b>Môi trường xã hội: Cronbach's Alpha = 0,845</b>					
XH1	Trình độ giáo dục của dân cư	18,67	27,986	0,508	0,838
XH2	Tệ nạn xã hội và tội phạm ít	18,80	25,751	0,608	0,824
XH3	Tập quán canh tác sản	18,53	26,643	0,623	0,820

	xuất nông nghiệp				
XH4	Nguồn lao động	18,56	26,880	0,632	0,819
XH5	Khả năng tiếp thu và vận dụng công nghệ	19,17	29,361	0,527	0,834
XH6	Chi phí lao động rẻ	18,48	28,383	0,773	0,828
XH7	Lao động có kỹ thuật cao	18,31	25,913	0,760	0,800
<b>Thế chế chính sách: Cronbach's Alpha = 0,952</b>					
CS1	Thủ tục hành chính	18,82	26,868	0,835	0,945
CS2	Chính sách xuất nhập khẩu trong nông nghiệp	18,89	26,358	0,852	0,943
CS3	Chính sách tiếp cận, tích tụ đất đai	19,08	24,723	0,873	0,941
CS4	Chính sách ưu đãi	19,02	25,304	0,890	0,938
CS5	Hoạt động xúc tiến, hỗ trợ thương mại	18,94	27,300	0,807	0,948
CS6	Bảo vệ hợp đồng giữa DN và nông dân	19,08	26,136	0,858	0,942
<b>Quyết định đầu tư: Cronbach's Alpha = 0,822</b>					
DT1	LV nông nghiệp là cơ hội đầu tư	10,27	2,547	0,688	0,758
DT2	Đầu tư dài hạn, giữ nguyên quy mô	10,28	2,247	0,766	0,716
DT3	Giới thiệu cho nhà đầu tư khác	10,27	2,786	0,515	0,834
DT5	Hài lòng về môi trường đầu tư	10,22	2,584	0,625	0,785

Nguồn: Tổng hợp từ kết quả điều tra và tính toán của tác giả

### 2.3.3. Phân tích nhân tố khám phá (EFA)

**Bảng 5.** Bảng hệ số KMO và kiểm định Bartlett

<b>KMO and Bartlett's Test</b>		
Kaiser-Meyer-Olkin Measure of Sampling Adequacy,	0,808	
Bartlett's Test of Sphericity	Approx, Chi-Square	1775,140
	Df	406
	Sig,	0,000

Bảng 5 cho thấy hệ số KMO của các biến quan sát là 0,808, thỏa mãn điều kiện  $0,5 < KMO < 1$ , như vậy phân tích nhân tố khám phá là thích hợp. Thông qua kiểm định Bartlett có Sig. < 0,05 nên 29 biến quan sát có tương quan tuyến tính với nhân tố đại diện. Kết quả kiểm định mức độ giải thích của các biến quan sát: cột Cumulative cho biết trị số phương sai trích là 66,466%, có nghĩa là 66,466% sự thay đổi của các nhân tố được giải thích bởi các biến đặc trưng. Phân tích EFA cho biết các biến đặc trưng đều có hệ số tải nhân tố lớn hơn 0,5. Tổng số 29 biến độc lập được trích thành 5 nhóm yếu tố đại diện.

### 2.3.4. Phân tích hồi quy

Mô hình hồi quy hồi quy tổng quát được hiệu chỉnh sau khi phân tích nhân tố khám phá

$$DT = f(CS, XH, HT, TN, KT)$$

Việc xem xét các yếu tố Thế chế, chính sách; Môi trường xã hội; Cơ sở hạ tầng, dịch vụ; Điều kiện tự nhiên; Môi trường kinh tế, yếu tố nào thực sự tác động đến quyết định đầu tư sẽ được thực hiện bằng phương trình hồi quy:

$$DT = b_0 + b_1CS + b_2XH + b_3HT + b_4TN + b_5KT + e_i$$

**Bảng 6.** Kết quả hồi quy

Model	Hệ số chưa chuẩn hóa		Hệ số chuẩn hóa	t	Mức ý nghĩa Sig.
	B	Sai số chuẩn	Beta		
(Constant)	-1,234E-16	0,072		0,000	1,000
CS	0,243	0,073	0,243	3,329	0,001
XH	0,398	0,073	0,398	5,461	0,000
HT	0,409	0,073	0,409	5,616	0,000
TN	0,253	0,073	0,253	3,470	0,001
KT	0,298	0,073	0,298	4,089	0,000

Nguồn: Tổng hợp từ kết quả điều tra và tính toán của tác giả

Trong Bảng 6, cột mức ý nghĩa (Sig.) cho thấy: Tất cả các biến đều có Sig. < 0,01. Như vậy, các yếu tố CS, XH; HT; TN; KT tương quan có ý nghĩa với DT của các nhà ĐTNN với độ tin cậy 99%.

### Kiểm định mức độ giải thích của mô hình hồi quy

**Bảng 7.** Tóm tắt mô hình

R	R Square	Adjusted R Square	Std. Error of the Estimate	Change Statistics				
				R Square Change	F Change	df1	df2	Sig. F Change
0,733 <sup>a</sup>	0,538	0,511	0,69915033	0,538	20,242	5	87	0,000

Nguồn: Tổng hợp từ kết quả điều tra và tính toán của tác giả

Trong Bảng 7, R<sup>2</sup> hiệu chỉnh là 0,511. Như vậy, 51,1% thay đổi về quyết định đầu tư của nhà ĐTNN vào lĩnh vực nông nghiệp ở Hà Nội được giải thích bởi các biến độc lập của mô hình.

### Kiểm định mức độ phù hợp của mô hình hồi quy (ANOVA)

**Bảng 8.** Phân tích phương sai

Model	Sum of Squares	df	Mean Square	F	Sig.	
1	Regression	49,473	5	9,895	20,242	0,000 <sup>b</sup>
	Residual	42,527	87	0,489		
	Total	92,000	92			

Nguồn: Tổng hợp từ kết quả điều tra và tính toán của tác giả

Trong Bảng 8, với Sig. < 0,00; Có thể kết luận rằng, mô hình đưa ra phù hợp với dữ liệu thực tế. Hay nói cách khác, các biến độc lập có tương quan tuyến tính với biến phụ thuộc và mức độ tin cậy 99%.

### Kiểm định phương sai phần dư không đổi

Nghiên cứu sử dụng kiểm định Spearman, xác định giá trị tuyệt đối số dư được chuẩn hóa

**Bảng 9.** Kết quả kiểm định Spearman

	ABSRES	CS	XH	HT	TN	KT
CC	1,000	,058	-,065	,181	,023	,054
ABSRES Sig.		,581	,535	,083	,825	,606
N	93	93	93	93	93	93
CS	,058	1,000	,041	,033	,080	,027
CS Sig.	,581		,696	,750	,445	,798
N	93	93	93	93	93	93



XH	CC	-,065	,041	1,000	-,008	,044	-,023
	Sig.	,535	,696		,937	,675	,828
	N	93	93	93	93	93	93
HT	CC	,181	,033	-,008	1,000	,055	-,017
	Sig.	,083	,750	,937		,601	,869
	N	93	93	93	93	93	93
TN	CC	,023	,080	,044	,055	1,000	,003
	Sig.	,825	,445	,675	,601		,976
	N	93	93	93	93	93	93
KT	CC	,054	,027	-,023	-,017	,003	1,000
	Sig.	,606	,798	,828	,869	,976	
	N	93	93	93	93	93	93

CC: Correlation Coefficient (Hệ số tương quan)

Nguồn: Tổng hợp từ kết quả điều tra và tính toán của tác giả

Trong Bảng 9, các biến Thể chế chính sách, Môi trường xã hội, Cơ sở hạ tầng và dịch vụ, Điều kiện tự nhiên, Môi trường kinh tế có mức ý nghĩa (Sig.) lớn hơn 0,05. Như vậy, kiểm định Spearman cho biết phương sai số dư là đồng nhất (không thay đổi).

## 2.4. Thảo luận kết quả

### 2.4.1. Về cơ sở hạ tầng dịch vụ

Kết quả nghiên cứu cho thấy, quyết định đầu tư của nhà ĐTNN được đóng góp bởi cơ sở hạ tầng, dịch vụ là 0,409. Hệ số chuẩn hóa bằng 0,409, tức là khi các yếu tố liên quan đến cơ sở hạ tầng và dịch vụ thay đổi 1 đơn vị (trong thang đo likert) thì quyết định đầu tư của nhà ĐTNN sẽ thay đổi cùng chiều 0,409 đơn vị. Đây là yếu tố có ảnh hưởng lớn nhất đến quyết định đầu tư của các nhà ĐTNN vào lĩnh vực nông nghiệp ở Hà Nội. Sự thuận lợi của yếu tố cơ sở hạ tầng sẽ giúp các nhà đầu tư giảm chi phí đầu tư đồng thời gia tăng được lợi ích, thuận lợi cho việc thiết lập nhà máy, ảnh hưởng mạnh đến quyết định đầu tư nên được đánh giá quan trọng hơn các yếu tố khác. Điều này cũng hàm ý rằng, các nhà ĐTNN ưu tiên đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh ở những nơi khi họ được thỏa mãn các điều kiện về cơ sở hạ tầng hơn những nơi có cơ sở hạ tầng kém hơn. Họ đặc biệt nhấn mạnh vào sự tồn tại của các cơ sở hạ tầng phát triển tốt như sự sẵn có và chất lượng của dịch vụ cung cấp điện, nước, thủy lợi, đường xá giao thông, cầu, cảng và công nghệ truyền thông.

### 2.4.2. Về điều kiện tự nhiên

Kết quả nghiên cứu cho thấy, yếu tố thuộc điều kiện tự nhiên cũng có tác động đến biến phụ thuộc quyết định đầu tư của nhà ĐTNN (P-value = 0,001 < 0,05) với hệ số chuẩn hóa bằng 0,253. Như vậy khi điều kiện tự nhiên thay đổi 1 đơn vị (trong thang đo likert) thì quyết định đầu tư của nhà ĐTNN cũng thay đổi cùng chiều 0,253 đơn vị. Đặc biệt trong đó khí hậu, môi trường; tài nguyên, nhiên liệu; giá thuê đất đóng vai trò quan trọng hơn các thành phần khác. Vấn đề đất đai theo Luật đất đai năm 2013 một mặt đã tạo cho các DN nói chung và DN FDI nói riêng thuận lợi trong việc thuê đất tại các vùng sâu quy hoạch sản xuất, nhưng với vùng chưa được quy hoạch đã làm khó khăn hơn trong việc đàm phán thuê đất với

người dân của các doanh nghiệp. Chính vì vậy, theo đánh giá của các DN FDI vấn đề thuê đất là một trong những vấn đề nổi cộm với các DN.

### 2.4.3. Về môi trường kinh tế

Môi trường kinh tế của Hà Nội là yếu tố quan trọng thứ ba trong số các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định đầu tư của các nhà ĐTNN vào lĩnh vực nông nghiệp. Nhóm yếu tố môi trường kinh tế cũng là một tham số tác động đến biến phụ thuộc quyết định đầu tư của nhà ĐTNN (P-value = 0,000 < 0,05) với hệ số chuẩn hóa bằng 0,298 là yếu tố quan trọng thứ ba trong thu hút vốn FDI vào lĩnh vực nông nghiệp Hà Nội. Như vậy, khi yếu tố môi trường kinh tế thay đổi 1 đơn vị (trong thang đo likert) thì quyết định đầu tư của nhà ĐTNN thay đổi cùng chiều 0,298 đơn vị. Kết quả nghiên cứu cho thấy, nhận thức của nhà đầu tư về sự thuận lợi của môi trường kinh tế vĩ mô có ảnh hưởng đến quyết định đầu tư (0,298).

### 2.4.4. Về môi trường xã hội

Kết quả nghiên cứu cho thấy môi trường xã hội có ảnh hưởng thuận chiều với quyết định đầu tư của nhà ĐTNN với P-value = 0,000 < 0,05 và hệ số chuẩn hóa là 0,398, điều này có nghĩa là khi yếu tố môi trường xã hội thay đổi 1 đơn vị (trong thang đo likert) thì quyết định đầu tư của nhà ĐTNN thay đổi 0,398 đơn vị. Trong nhóm môi trường xã hội có rất nhiều yếu tố, tuy nhiên tính kỹ luật của lao động, số lượng lao động và chi phí lao động rẻ là những yếu tố ảnh hưởng nhiều nhất đến quyết định của nhà ĐTNN. Khi xét lợi thế về lao động được đánh giá là điểm đến đầu tư hấp dẫn do có lợi thế về thị trường lao động dồi dào, chi phí thấp. Với hơn 8 triệu dân và số người ở độ tuổi lao động chiếm 51% dân số, đây là nguồn lao động trẻ, khỏe, năng động, có tiềm năng và khả năng tiếp thu kiến thức tiên tiến để đáp ứng được yêu cầu của nền kinh tế tri thức. Các nhà ĐTNN cho rằng, năng suất lao động của Việt Nam nói chung và Hà Nội nói riêng có thể thấp hơn so với một số nước phát triển, nhưng nếu xét trong môi trường tương quan với giá lao động thì chi phí lao động tính trên sản phẩm vẫn thuộc loại rẻ.

### 2.4.5. Về thể chế chính sách

Kết quả nghiên cứu cho thấy, có mối quan hệ tương quan dương giữa thể chế chính sách đối với quyết định đầu tư của nhà ĐTNN vào lĩnh vực nông nghiệp Việt Nam, sự thuận lợi của yếu tố thể chế chính sách đóng góp 0,243 đến quyết định đầu tư của nhà ĐTNN. Kết quả phân tích cũng cho thấy hệ số chuẩn hóa mang dấu dương thể hiện mối quan hệ cùng chiều giữa thể chế chính sách Nhà nước với quyết định đầu tư của nhà ĐTNN với mức ý nghĩa P-value = 0,001 < 0,05 và hệ số chuẩn hóa là 0,243. Như vậy, khi yếu tố thể chế chính sách thay đổi 1 đơn vị (trong thang đo likert) thì quyết định đầu tư của nhà ĐTNN thay đổi cùng chiều 0,243 đơn vị.

## 3. Kết luận

Hà Nội là thành phố có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển ngành sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao để phát triển ngành trở thành ngành kinh tế mũi nhọn với nhiều lợi thế cạnh tranh so với các địa phương khác. Tuy nhiên, thực tế cho thấy,

đầu tư vào ngành nông nghiệp so với các ngành khác còn khá hạn chế, thậm chí xu hướng đầu tư kém ổn định và có hiện tượng giảm sút ở một số dòng vốn. Trong khi vốn NSNN, vốn tín dụng... có xu hướng gia tăng thì vốn FDI gần như không có sự tăng trưởng, thậm chí là có xu hướng giảm và thường không ổn định.

Với kết quả nghiên cứu, để tăng cường thu hút FDI vào lĩnh vực nông nghiệp của Hà Nội trong thời gian tới, cần tập trung cải thiện các yếu tố theo thứ tự ưu tiên lần lượt: Cơ sở hạ tầng, dịch vụ; Môi trường xã hội; Môi trường kinh tế; Điều kiện tự nhiên và thể chế chính sách.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Zingwena Taurai, *Foreign direct investment (FDI) and agricultural growth in Zimbabwe*, Department of Agricultural Economics and Development, Midlands State University, 2014.
- [2] Deepak Kumar Adhana, "Foreign direct investment in Indian agricultural sector: Opportunities and challenges", *KAAV international journal of Economics, Commerce & Business management*, Vol 3, 2016, pp. 32 – 47.
- [3] Santangelo Grazia D, "The impact of FDI in land in agriculture in developing countries on host country food security", *Journal of World Business*, Available online 16 October 2017.
- [4] V.V.Ninh, *Tăng cường thu hút vốn FDI vào nông nghiệp vùng đồng bằng Sông Hồng*, Học viện Tài chính, 2018.
- [5] T.Đ.Thao, *Đánh giá thực trạng, đề xuất chính sách, giải pháp thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào sản xuất kinh doanh nông nghiệp*, Học viện Nông nghiệp Việt Nam, 2016.
- [6] N.Đ.Thành, *Các nhân tố ảnh hưởng tới đầu tư trong lĩnh vực nông nghiệp: tổng quan những vấn đề lý luận cơ bản*, Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội, 2008.
- [7] Chen Fei Fei, *A research on the Position Factors Guangdong Province Attracting Agriculture FDI*, South China Agriculture University, 2009.
- [8] Licai Lv, Simei Wen, Xiong Qiquan, "Determinants and performance index of FDI in China's agriculture", *China Agricultural Economic Review*, Vol. 2(1), 2010, pp. 36-48.
- [9] Addo Addo Missama, *Analysis of factors affecting Foreign Direct Investment flows into Agricultural sector in Tanzania*, Sokoine university of Agricultural, 2010.
- [10] Dadson Awunyo Vitor & Ruby Adjoa Sackey, "Agricultural sector foreign direct investment and economic growth in Ghana", *Journal of Innovation and Entrepreneurship*, No 7, 2018, pp.15.
- [11] Christine Husmann & Zaneta Kubik, *Foreign direct investment in the African food and agriculture sector: trends, determinants and impacts*, University of Bonn, 2019.
- [12] Galan, Benito & Vencente, "Factors determining the location decisions of Spanish MNEs: an analysis based on the investment development path", *Journal of International Business Studies*, Vol. 38 (6), 2007, pp. 975 - 997.
- [13] Bialowolski Piotr & Weziak-Bialowolska Dorota, "External Factors Affecting Investment Decisions of Companies", *Economics Discussion Papers*, 2013, pp.44.
- [14] Chin - Shang Lu and Yang Ching - Chiao, "An evaluation of the investment environment in international logistics zones, A Taiwanese manufacturer's perspective", *Int. J. Production Economics*, Vol. 107(Issue 1), 2007, pp. 279 - 300.
- [15] Hasnah A., Sanep A., Rusnah M., "Determinants Of Foreign Direct Investment locations in Malaysia", *International Review of Business Research Papers*, Vol 6 (4), 2010, pp. 101 – 117.
- [16] N.M. Toàn, "Các nhân tố tác động đến thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào một địa phương của Việt Nam", *Tạp chí khoa học và Công nghệ, Đại học Đà Nẵng*, số 5, 2010, pp.40.
- [17] Boermans M.A., Toelfsma H., và Zhang Y., "Regional determinants of FDI in China: a factor – based approach", *Journal of Chinese economic and business*, Vol 9 (1), 2011, pp. 23 –42.
- [18] Liu K., Kevin D., Maria E. V., "Determinants of regional distribution of FDI inflows across China's four regions", *International Business Research*, Vol 5, 2012, pp.12.
- [19] Nauro F. Campos & Kinoshita Yuko, *Why Does FDI Go Where it Goes? New Evidence from the Transition Economies*, International Monetary Fund, 2003.
- [20] Sarbajit Chaudhuri and Banerjee Dibyendu, "FDI in agricultural land, welfare and unemployment in a developing economy", *Research in Economics*, Vol. 64, 2010, pp. 229–239.
- [21] Brainard S.L., "An empirical assessment of the proximity - concentration trade-off between multinational sales and trade", *The American Economic Review*, Vol 87 (4), 1997, pp. 520-544.
- [22] Krugman P., *Geography and Trade*, Leuven University Press and Cambridge (MA), London: The MIT Press, 1991.
- [23] Don A. W., *Determinant of the Factors Affecting Foreign Direct Investment Flow to Sri Lanka and its Impact on the Sri Lankan Economy*, University of the Thai Chamber of Commerce, 2007.
- [24] Fawaz B, *Factors affecting foreign direct investment location in the petrochemicals industry. The case of Saudi Arabia, 2009*.
- [25] Khair U.Z., Hashim S., Awan Z., "Economics Determinant of Foreign Direct Investment in Pakistan", *Gomal University Journal of Research*, Vol 22, 2006, pp. 49 -57
- [26] Asiedu E., "On the determinants of foreign direct investment to developing countries: Is Africa different?", *World Development*, Vol 30, 2002, pp. 107 – 119.
- [27] Brahmasrene T và Jiranyakul K, "Foreign Direct Investment in Thailand, What Factor Matter?", *Proceedings of the Academy for International Business*, Vol 1, 2001, pp. 13.
- [28] Boermans M.A., Toelfsma H., và Zhang Y., "Regional determinants of FDI in China: a factor – based approach", *Journal of Chinese economic and business*, Vol 9 (1), 2011, pp. 23 –42.
- [29] N.P. Lan, *FDI and its linkage to economic growth in Vietnam: a provincial level analysis*, Centre for Regulation and Market Analysis, University of South Australia, 2006.
- [30] L.T.Lộc, N.T. Tuyết, "Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của doanh nghiệp FDI: trường hợp nghiên cứu điển hình tại Đà Nẵng", *Tạp chí phát triển và hội nhập*, số 11 (21), 2013.
- [31] Hoskisson R., Eden L., Lau C., Wright M., "Strategy in emerging economies", *Academy of Management Journal*, Vol 43 (3), 2000, pp. 249 – 267.
- [32] Bevan A., Estrin S., and Meyer K., "Foreign Investment location and institutional development in transition economies", *International Business Review*, Vol 13, 2004, pp. 43 – 64.
- [33] Meyer K.E. và Nguyen H.V., "Foreign Investment Strategies and Sub-national Institutions in Emerging Markets: Evidence from Vietnam", *Journal of Management Studies*, Vol 42(1), 2005, pp. 63.
- [34] Mudambi R. and Navara P., "Institutions and international business: a theoretical overview", *International Business Review*, Vol 11, 2002, pp. 635 – 646.
- [35] Saing hang Chan, Hem Sochet, Ouch Chandarany, Phann Dalis, Pon Dorina, *Foreign Investment in Agriculture in Cambodia*, CDRI Working Paper Series No. 60, Phnom Penh, Cambodia, 2012.
- [36] Zhou C., Delios A., and Yang J., "Locational determinant of Japanese foreign direct investment in China", *Asian Pacific Journal of Management*, Vol 19, 2002, pp. 63 –86.
- [37] Laura Carolia Pedraza Robles, *Three studies on Mexican Agriculture*, Oklahoma State University, 2012.
- [38] Roderick Campbell, Tristan Knowles, Amphaphone Sayasenh, *Business Models for Foreign Investment in Agriculture in Laos*, The International Institute for Sustainable Development, 2012.
- [39] Tabachnick, B. G., & Fidell, L. S., *Using Multivariate Statistics (5th ed.)*. New York: Allyn and Bacon, 2007.